TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ
TỈNH TIỀN GIANG

Số: 02A/QĐ-CTK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tiền Giang, ngày 12 tháng 01 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai dự toán thu, chi ngân sách năm 2023 của Cục Thống kê tỉnh Tiền Giang

CỤC TRƯỞNG CỤC THỐNG KÊ TỈNH TIỀN GIANG

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 1006/QĐ-TCTK ngày 20/5/2020 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 1208/QĐ-TCTK ngày 30/12/2022 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2023;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Tổ chức - Hành chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023 của Cục Thống kê tỉnh Tiền Giang (theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Phòng Tổ chức - Hành chính, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan trực thuộc Cục Thống kê tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Vụ Kế hoạch Tài chính, TCTK;
- Lưu: VT, P.TCHC.

CỤC TRƯỞNG

CỘNG HOÀ X.H.C.N VIỆT NAM
CỤC THỐNG KÊ TỈNH TIỀN GIANG
TỔNG CỤC THỐNG KÊ

Trần Thị Mỹ Hạnh

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính

Đơn vị: CỤC THỐNG KÊ TỈNH TIỀN GIANG

Chương: 013

DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 02A/QĐ-CTK ngày 12/01/2023 của Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh Tiền Giang)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
1	Số thu phí, lệ phí	
1.1	Lệ phí	
	Lệ phí A	
	Lệ phí B	
1.2	Phí	
	Phí A	
	Phí B	
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
2.1	Chi sự nghiệp……	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2.2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
3.1	Lệ phí	
	Lệ phí A	
	Lệ phí B	
3.2	Phí	
	Phí A	
	Phí B	
II	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**18.050.000.000**
1	***Chi quản lý hành chính***	***18.050.000.000***
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	12.512.000.000
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	5.538.000.000
2	Nghiên cứu khoa học	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
11	Chi Chương trình mục tiêu	
1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia	
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)	
2	Chi Chương trình mục tiêu	
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu)	

Ngày 12 tháng 01 năm 2023

Người lập biểu	Thủ trưởng đơn vị
Phạm Thị Kim Hiếu	Trần Thị Mỹ Hạnh

TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ TỈNH TIỀN GIANG
Số: 33 /BC-CTK

Nơi nhận: Vụ Kế hoạch tài chính, TCTK

PHÂN BỔ DỰ TOÁN KINH PHÍ NĂM 2023 QUA KHO BẠC (TABMIS)

Đơn vị tính: đồng

TT	Chi ra đơn vị	Mã số Quan hệ ngân sách	Mã số KBNN nơi giao dịch	Tổng số	Loại kinh phí, chia ra:							
					Loại 340-341				*Loại 070-085*	*Loại ……..*		
					Cộng	KP tự chủ		KP không thực hiện tự chủ	KP không thực hiện tự chủ	Cộng	KP tự chủ	KP không thực hiện tự chủ
						KP tự chủ	KP cải cách tiền lương					
A	B	C	D	1=2+6+7	2=3+4+5	3	4	5	6	7=8+9	8	9
	KINH PHÍ TỔNG CỤC GIAO	1056810		**18.050.000.000**	**18.050.000.000**	**12.512.000.000**	**0**	**5.538.000.000**	**0**	*0*		
	Chia ra:											
I	**Cục Thống kê đã phân bổ (1+2)**			**18.050.000.000**	**18.050.000.000**	**12.512.000.000**	**0**	**5.538.000.000**	**0**	**0**	**0**	**0**
1	**Văn phòng Cục Thống kê**	1098731	0561	**9.575.455.829**	9.575.455.829	6.887.455.829	0	2.688.000.000	0	0		
2	**Các đơn vị trực thuộc**			**8.474.544.171**	**8.474.544.171**	**5.624.544.171**	**0**	**2.850.000.000**	**0**	0		
2.1	Chi cục Thống kê TP Mỹ Tho	1097510	0561	**940.580.900**	940.580.900	540.580.900	0	400.000.000	0	0		
2.2	Chi cục Thống kê TX Gò Công	1097511	0563	**728.302.036**	728.302.036	528.302.036	0	200.000.000	0	0		
2.3	Chi cục Thống kê TX Cai Lậy	1120013	0572	**656.573.955**	656.573.955	456.573.955	0	200.000.000	0	0		
2.4	Chi cục Thống kê huyện Tân Phước	1097512	0570	**689.666.251**	689.666.251	539.666.251	0	150.000.000	0	0		
2.5	Chi cục Thống kê huyện Cái Bè	1097513	0564	**862.414.010**	862.414.010	462.414.010	0	400.000.000	0	0		
2.6	Chi cục Thống kê huyện Cai Lậy	1097514	0565	**806.356.618**	806.356.618	606.356.618	0	200.000.000	0	0		
2.7	Chi cục Thống kê huyện Châu Thành	1097515	0566	**1.029.529.430**	1.029.529.430	629.529.430	0	400.000.000	0	0		
2.8	Chi cục Thống kê huyện Chợ Gạo	1097516	0567	**972.589.120**	972.589.120	572.589.120	0	400.000.000	0	0		
2.9	Chi cục Thống kê H.Gò Công Tây	1097517	0569	**582.450.180**	582.450.180	382.450.180	0	200.000.000	0	0		
2.10	Chi cục Thống kê H.Gò Công Đông	1097519	0568	**661.936.551**	661.936.551	461.936.551	0	200.000.000	0	0		
2.11	Chi cục Thống kê H.Tân Phú Đông	1097525	0571	**544.145.120**	544.145.120	444.145.120	0	100.000.000	0	0		
II	**Kinh phí Cục Thống kê chưa phân bổ**			**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	0	0		

Tiền Giang, ngày 27 tháng 01 năm 2023

Kế toán

Phạm Thị Kim Hiếu

CỤC TRƯỞNG

CỘNG HOÀ X.H.C.N VIỆT NAM
CỤC THỐNG KÊ TỈNH TIỀN GIANG
TỔNG CỤC THỐNG KÊ

Trần Thị Mỹ Hạnh